

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG THPT TRUNG LẬP

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /KH-THPT TL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

**KẾ HOẠCH**

**Tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày năm học 2024–2025**

Căn cứ Luật số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về thực hiện dân chủ cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 09 năm 2020 Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Nghị quyết quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4977/SGDĐT-GDTrH ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2024-2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, trường THPT Trung Lập xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày năm học 2024-2025 với những nội dung như sau:

## **A. Mục đích- yêu cầu**

### **1. Mục đích chung**

Việc dạy học 2 buổi/ngày ở trường trung học nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; đáp ứng nhu cầu của gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh; tăng cường giáo dục kỹ năng sống; thực hiện đổi mới dạy học như dạy học theo chủ đề tích hợp, dạy học theo định hướng phát triển năng lực, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, dạy học ứng dụng STEM...

### **2. Yêu cầu chung:**

- Việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đáp ứng cho đối tượng học sinh có nhu cầu, cha mẹ học sinh tự nguyện cho con em tham gia học tập; được sự đồng ý của cấp trên có thẩm quyền.

- Yêu cầu:

- + Không sử dụng thời lượng chương trình dạy học buổi 2 để hoàn thành chương trình chính khóa, thực hiện các bài kiểm tra đánh giá học sinh.

- + Đảm bảo xây dựng nội dung chương trình và hình thức tổ chức cho tất cả học sinh học chương trình 2 buổi/ngày được đảm bảo thụ hưởng đủ 100% thời lượng của chương trình dạy học buổi 2 (học văn hóa và tham gia các hoạt động giáo dục khác).

- + Khuyến khích tổ chức bán trú cho học sinh với sự đóng góp của gia đình theo thỏa thuận và các nguồn hỗ trợ khác.

- + Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo hoàn thành kế hoạch giáo dục được giao, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- + Có tối thiểu số lượng giáo viên theo quy định (tại Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV đảm bảo tỉ lệ giáo viên trên lớp 2,25)

- + Về cơ sở vật chất: Trường có đủ phòng thông thường, phòng học bộ môn, thư viện, sân chơi, bãi tập đáp ứng cho các hoạt động dạy và học, hoạt động giáo dục phục vụ cho việc tổ chức học tập (như quạt, máy lạnh; điện, nước uống, phương tiện dạy học, điều kiện tổ chức câu lạc bộ học thuật, Câu lạc bộ năng khiếu, TDTT...).

- + Về thu chi tài chính: đảm bảo công khai, minh bạch trong thu, chi, yêu cầu phát triển năng khiếu cho học sinh.

- + Đảm bảo an toàn, an ninh trật tự tuyệt đối cho học sinh khi tham gia các tiết học buổi 2 cùng với lớp hoặc sinh hoạt chuyên đề, hoạt động giáo dục do tổ chuyên môn phụ trách.

- + Việc tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày đáp ứng cho đối tượng học sinh có nhu cầu, cha mẹ học sinh tự nguyện cho con em tham gia học tập; được sự đồng ý của cấp trên có thẩm quyền.

+ Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày đảm bảo hoàn thành kế hoạch giáo dục được giao, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

## **B. Nội dung kế hoạch**

### **I. Đặc điểm tình hình**

#### **1. Thuận lợi**

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên có ý thức trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường. Chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm phần lớn đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ giáo viên có những định hướng đầu tư phù hợp nhằm mang lại hiệu quả tốt cho học sinh. Chất lượng và uy tín của trường được học sinh và phụ huynh tin cậy. Ban lãnh đạo nhà trường có sự đồng thuận và thống nhất cao trong mục tiêu, định hướng phát triển nhà trường và trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quản lý đội ngũ. Có sự phối hợp hoạt động tốt giữa chính quyền và tổ chức đoàn thể trong nhà trường; giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, Cha mẹ học sinh. Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn quan tâm đến nhà trường, luôn có những đóng góp tích cực và giới thiệu người cùng tham gia các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường trong những điều kiện, hoàn cảnh phù hợp giúp giáo dục học sinh hiệu quả.

Trường nhận được sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân. Tiếp tục thực hiện công tác khuyến học; nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác dạy học và giáo dục học sinh. Nhà trường quan tâm đến giáo dục kỉ luật, đạo đức tác phong của học sinh; từ đó làm tiền đề để phát triển và hướng đến chất lượng, hiệu quả, kết quả học tập;

Cơ sở vật chất tương đối đồng bộ, có đầy đủ các phòng thực hành thí nghiệm, các phòng chức năng; cảnh quan môi trường thoáng mát. Tình hình nhà trường nói chung có tính ổn định cao, các mặt hoạt động đều đi vào nề nếp.

#### **2. Khó khăn**

Đa số học sinh do hoàn cảnh xuất thân là con em gia đình lao động nghèo nên sự hỗ trợ của gia đình đối với việc học tập của học sinh còn hạn chế; một bộ phận cha mẹ học sinh thiếu sự quan tâm, hợp tác với nhà trường trong việc giáo dục các em;

Trường THPT Trung Lập là trường thuộc địa bàn vùng sâu của TPHCM. Nhiều năm liền nhà trường lấy điểm đầu vào thấp nhất thành phố. Do đó học sinh không theo kịp chương trình dẫn đến lưu ban, bỏ học nhiều, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của trường. Học sinh lớp 10 tuyển không đủ chỉ tiêu, các em NV2,3 nhà quá xa nên không đăng ký vào trường THPT Trung Lập;

Đội ngũ giáo viên chưa thật sự đều tay, còn một ít giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong xử lý các tình huống sư phạm; còn gặp khó khăn trong quản lý

lớp và giáo dục học sinh; khả năng giao tiếp và phối hợp với cha mẹ học sinh còn hạn chế.

### 3. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và cơ sở vật chất

#### 3.1. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động:

| Stt        | Bộ phận          | Số lượng  |           | Đảng viên | Biên chế  | Hợp đồng | Trình độ chuyên môn |           |          |          |          |
|------------|------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|---------------------|-----------|----------|----------|----------|
|            |                  | T S       | Nữ        |           |           |          | >ĐH                 | ĐH        | CĐ       | T C      | Khá c    |
| <b>I</b>   | <b>CBQL</b>      | <b>3</b>  | <b>1</b>  | <b>3</b>  | <b>3</b>  | <b>0</b> | <b>1</b>            | <b>2</b>  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| <b>II</b>  | <b>Giáo viên</b> | <b>43</b> | <b>25</b> | <b>15</b> | <b>43</b> | <b>0</b> | <b>7</b>            | <b>36</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 1          | Toán             | 6         | 3         | 3         | 6         |          | 0                   | 6         |          |          |          |
| 2          | Lý               | 3         | 1         | 2         | 3         |          | 0                   | 3         |          |          |          |
| 3          | Hóa              | 3         | 1         | 2         | 3         |          | 2                   | 1         |          |          |          |
| 4          | Sinh-KTNN        | 3         | 3         | 1         | 3         |          | 1                   | 2         |          |          |          |
| 5          | Sử               | 2         | 2         | 0         | 2         |          | 0                   | 2         |          |          |          |
| 6          | Địa              | 3         | 2         | 1         | 3         |          | 1                   | 2         |          |          |          |
| 7          | Văn              | 7         | 5         | 3         | 7         |          | 3                   | 4         |          |          |          |
| 8          | Ngoại ngữ        | 5         | 3         | 2         | 5         |          | 0                   | 5         |          |          |          |
| 9          | GDKT PL          | 3         | 3         | 0         | 3         |          | 0                   | 3         |          |          |          |
| 10         | KTCN             | 1         | 1         | 1         | 1         |          | 0                   | 1         |          |          |          |
| 11         | Tin học          | 2         | 1         |           | 2         |          | 0                   | 2         |          |          |          |
| 12         | GDTC-QP          | 5         | 0         | 0         | 5         |          | 0                   | 5         |          |          |          |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b> | <b>11</b> | <b>5</b>  | <b>2</b>  | <b>5</b>  | <b>6</b> | <b>0</b>            | <b>3</b>  | <b>0</b> | <b>3</b> | <b>5</b> |
| 1          | Kế toán          | 1         |           |           | 1         |          | 0                   | 1         |          |          |          |
| 2          | Văn thư          | 1         | 1         | 1         | 1         |          |                     |           |          | 1        |          |

|                  |              |           |           |           |           |          |          |           |          |          |          |
|------------------|--------------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|----------|-----------|----------|----------|----------|
| 3                | Thư viện     | 1         | 1         | 1         | 1         |          |          | 1         |          |          |          |
| 4                | Thiết bị     | 1         |           |           | 1         |          |          | 1         |          |          |          |
| 5                | Y tế+Thủ quỹ | 1         | 1         |           |           | 1        |          |           |          | 1        |          |
| 6                | CNTT         | 1         | 1         |           | 1         |          |          |           |          | 1        |          |
| 7                | Bảo vệ       | 3         |           |           |           | 3        |          |           |          |          | 3        |
| 8                | Phục vụ      | 2         | 1         |           |           | 2        |          |           |          |          | 2        |
| <b>Tổng cộng</b> |              | <b>57</b> | <b>31</b> | <b>20</b> | <b>51</b> | <b>6</b> | <b>8</b> | <b>41</b> | <b>0</b> | <b>3</b> | <b>5</b> |

Năm học 2024-2025: toàn trường có 57 cán bộ - giáo viên - nhân viên; trong đó cán bộ quản lý: 03, giáo viên: 43, nhân viên: 11(Hợp đồng trường: 06); nữ: 31/57, đảng viên: 20, Công đoàn viên: 57; trình độ trên chuẩn: 08

### 3.2. Học sinh

Năm học 2024-2025: toàn trường có 25 lớp, tổng số học sinh: 1.111, số học sinh nữ: 571, gia đình diện hộ nghèo và cận nghèo: 27, diện mồ côi: 35.

| Khối | Số lớp | Học sinh |     |         |          |        | Sĩ số HS/lớp |
|------|--------|----------|-----|---------|----------|--------|--------------|
|      |        | Tổng     | Nữ  | Dân tộc | Hộ nghèo | Mồ côi |              |
| 10   | 9      | 425      | 220 | 0       | 4        | 12     | 47,2         |
| 11   | 8      | 367      | 183 | 2       | 10       | 13     | 45,9         |
| 12   | 8      | 319      | 168 | 2       | 13       | 10     | 39,9         |
| Cộng | 25     | 1111     | 571 | 4       | 27       | 35     | 44,4         |

### 3.3. Cơ sở vật chất.

| Stt | Nội dung                   | Diện tích             | Số phòng | Ghi chú |
|-----|----------------------------|-----------------------|----------|---------|
| 1   | Tổng diện tích toàn trường | 33.600 m <sup>2</sup> |          |         |
| 2   | Nhà tập TDTT               | 2.700 m <sup>2</sup>  | 01       |         |
| 3   | Hội trường                 | 200 m <sup>2</sup>    | 01       |         |

|    |                                 |                   |    |         |
|----|---------------------------------|-------------------|----|---------|
| 4  | Phòng giáo viên                 | 64 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 5  | Phòng học                       | 48 m <sup>2</sup> | 30 |         |
| 6  | Phòng thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh  | 72 m <sup>2</sup> | 03 |         |
| 7  | Phòng máy tính                  | 64 m <sup>2</sup> | 02 |         |
| 8  | Phòng Bộ môn                    | 64 m <sup>2</sup> | 02 |         |
| 9  | Thư viện                        | 96 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 10 | Phòng thiết bị                  | 64 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 11 | Phòng tiếp dân, tư vấn học sinh | 24 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 12 | Phòng Y tế                      | 24 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 13 | Văn phòng                       | 24 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 14 | Phòng bảo vệ                    | 12 m <sup>2</sup> | 03 |         |
| 15 | Phòng giám thị                  | 24 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 16 | Phòng Đoàn thanh niên           | 64 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 17 | Phòng Học vụ                    | 36 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 18 | Phòng kế toán                   | 16 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 19 | Phòng Hiệu trưởng               | 36 m <sup>2</sup> | 01 |         |
| 20 | Phòng Phó Hiệu trưởng           | 12 m <sup>2</sup> | 03 |         |
| 21 | Nhà vệ sinh giáo viên           | 48 m <sup>2</sup> | 02 | Nam, Nữ |
| 22 | Nhà vệ sinh học sinh            | 48 m <sup>2</sup> | 06 | Nam, Nữ |

## II. Chất lượng giáo dục năm học 2023-2024

### 1. Chất lượng giáo dục

- Thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Ngành, tổ chức dạy học linh hoạt theo Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024, theo quy định của chương trình môn học và các quy định kiểm tra đánh giá;

- Trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục của Tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên và kế hoạch bài dạy theo định hướng đổi mới;

- Thực hiện nghiêm chương trình giáo dục một cách chủ động, linh hoạt, phù hợp tình hình nhà trường.

- Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm giáo dục năm học 2023-2024. Cán bộ, giáo viên nhà trường thực hiện tốt công tác phổ cập bậc trung học.

- Tăng cường giáo dục đạo đức trong nhà trường, triển khai và thực hiện Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 4 năm 2019 về Quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục, các mối quan hệ trong nhà trường được tốt hơn, học sinh ngoan và lễ phép hơn.

- Triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động ngoại khóa. Công đoàn, Đoàn trường, Chi đoàn giáo viên tích cực hoạt động theo chỉ đạo của lãnh đạo, thu hút được sự tham gia của toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường.

## **2. Kết quả cụ thể:**

### **2.1 Kết quả của học sinh trong năm học 2023-2024**

#### **a/ Hạnh kiểm:**

| <b>Khối</b> | <b>Sĩ số</b>   | <b>Tốt</b> |              | <b>Khá</b> |              | <b>Trung bình/Đạt</b> |              | <b>Yếu /Chưa đạt</b> |              | <b>Từ Trung bình /Đạt trở lên</b> |              |
|-------------|----------------|------------|--------------|------------|--------------|-----------------------|--------------|----------------------|--------------|-----------------------------------|--------------|
|             |                | <b>SL</b>  | <b>Tỉ lệ</b> | <b>SL</b>  | <b>Tỉ lệ</b> | <b>SL</b>             | <b>Tỉ lệ</b> | <b>SL</b>            | <b>Tỉ lệ</b> | <b>SL</b>                         | <b>Tỉ lệ</b> |
| 10          | 393/197        | 325        | 82.7         | 57         | 14.5         | 9                     | 2.29         | 2                    | 0.51         | 391                               | 99.49        |
| 11          | 326/169        | 273        | 83.74        | 33         | 10.12        | 13                    | 3.99         | 7                    | 2.15         | 319                               | 97.85        |
| 12          | 256/128        | 237        | 92.58        | 13         | 5.08         | 6                     | 2.34         | 0                    | 0            | 256                               | 100          |
| <b>Tổng</b> | <b>975/494</b> | <b>835</b> | <b>85.64</b> | <b>103</b> | <b>10.56</b> | <b>28</b>             | <b>2.87</b>  | <b>9</b>             | <b>0.92</b>  | <b>966</b>                        | <b>99.08</b> |

**b/ Học lực:**

| Khối | Số      | Tốt |       | Khá |       | Trung bình/Đạt |       | Yếu /Chưa đạt |       | Từ TB/Đạt trở lên |       |
|------|---------|-----|-------|-----|-------|----------------|-------|---------------|-------|-------------------|-------|
|      |         | SL  | Tỉ lệ | SL  | Tỉ lệ | SL             | Tỉ lệ | SL            | Tỉ lệ | SL                | Tỉ lệ |
| 10   | 393/197 | 49  | 12.47 | 85  | 21.63 | 214            | 54.45 | 45            | 11.45 | 348               | 88.55 |
| 11   | 326/169 | 80  | 24.54 | 145 | 44.48 | 97             | 29.75 | 4             | 1.23  | 322               | 98.77 |
| 12   | 256/128 | 68  | 26.56 | 109 | 42.58 | 76             | 29.69 | 3             | 1.17  | 253               | 98.83 |
| Tổng | 975/494 | 197 | 20.21 | 339 | 34.77 | 387            | 39.69 | 52            | 5.33  | 923               | 94.67 |

**c/ Thành tích đạt được**

- Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng: 93,18%; Hiệu suất đào tạo: 92,36 %; Tỷ lệ tốt nghiệp THPT: 99,61%; Học sinh đạt giải cấp Thành phố: 9 Giải ba

- Phong trào TDDT: Giải 3 bóng chuyền nữ cấp Huyện

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, văn-thể-mỹ:

Cấp Huyện: Giải Khuyến khích cuộc thi thiết kế cây mai và gói quà Tết Nguyên đán 2024; Giải ba cuộc thi tên lửa nước hè 2024; Giải nhì hội thi văn nghệ chào Xuân 2024

Cấp Cụm: Giải nhì hội thi văn nghệ, Giải ba thi vẽ tranh tuyên truyền bảo vệ môi trường, Giải nhì trò chơi vận động, Giải Khuyến khích bắn tên lửa nước.

**d/ Những hạn chế, tồn tại**

- Số học sinh Kiểm tra lại cuối năm: 48(5,33%), Lưu ban: 13, lên lớp: 35 học sinh. 8 học sinh phải rèn luyện trong hè và có 3 học sinh xếp loại chưa đạt

- Số học sinh bỏ học: 1.34%

**III. Nội dung Kế hoạch dạy 02 buổi/ngày****1. Đối tượng học, thời gian**

- Đối tượng là học sinh khối 10, 11, 12

- Thời gian mở lớp:

+ Học kỳ I: Từ ngày 05/09/2024 đến ngày 11/01/2024 (18 tuần thực học và 01 tuần dự trữ).

+ Học kỳ II: Từ ngày 13/01/2025 đến ngày 30/5/2025 (17 tuần thực học và 01 tuần dự trữ)

## 2. Số lớp dạy 02 buổi/ngày

25 lớp với tổng số 1111 học sinh

+ Khối 10 có 9 lớp với 425 học sinh

+ Khối 11 có 8 lớp với 367 học sinh

+ Khối 12 có 6 lớp với 319 học sinh

## 3. Nội dung thực hiện kế hoạch

### 3.1. Về dạy luyện tập, ôn tập và nâng cao để bổ sung kiến thức kỹ năng được thực hiện trong TKB nhà trường

Ngoài những tiết trong kế hoạch dạy học chính khóa theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, ở buổi 2 học sinh sẽ được luyện tập, ôn tập và nâng cao để bổ sung kiến thức kỹ năng ở các môn. Đặc biệt là học sinh khối 12 được chọn môn theo ban tự nhiên và xã hội để ôn tập cho phù hợp với điều kiện thi TN THPT năm 2025. Cụ thể như sau:

| Stt              | Môn       | Số tiết B2/Tuần<br>Khối 12                | Số tiết B2/Tuần<br>Khối 11 | Số tiết B2/Tuần<br>Khối 10 | Ghi chú |
|------------------|-----------|-------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|---------|
| 1                | Toán học  | 1(HK1)- 2(HK2)                            | 2                          | 2                          |         |
| 2                | Ngữ văn   | 2(HK1)-1(HK2)                             | 2                          | 2                          |         |
| 3                | Tiếng anh | 1                                         | 1                          | 1                          |         |
| 4                | Vật lý    | 2 môn chọn thi<br>THPT,<br>2tiết/tuần/môn | 1: 11A1,2                  | 1: 10A1,2,3                |         |
| 5                | Hóa học   |                                           | 1: 11A1,2,3                | 1: 10A1,2,3,4              |         |
| 6                | Sinh học  |                                           | 1: 11A3                    | 1: 10A4                    |         |
| 7                | Lịch sử   |                                           |                            | (HK2) 1: 10A5,6,7,8,9      |         |
| 8                | Địa lý    |                                           | 1: 11A4,5, 6,7,8           | 1: 10A5,6,7,8,9            |         |
| 9                | GD KTPL   |                                           | 1: 11A4,5, 6,7,8           |                            |         |
| 10               | Tin học   |                                           |                            |                            |         |
| 11               | Công nghệ |                                           |                            |                            |         |
| <b>Tổng cộng</b> |           | <b>8</b>                                  | <b>7</b>                   | 6(HK1)-7(HK2)              |         |

### **3.2. Về dạy học theo đối tượng và các hoạt động giáo dục buổi 2**

#### **\* Dạy bồi dưỡng học sinh giỏi**

- Các tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi trên cơ sở kế hoạch của nhà trường. Phân công giáo viên hướng dẫn và lập kế hoạch giảng dạy.

- Thực hiện kế hoạch về bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi trường dự thi học sinh giỏi 12 thành phố. Phát hiện học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu bộ môn để kịp thời bồi dưỡng; tạo mọi điều kiện để học sinh được phát huy năng lực học tập, tư duy sáng tạo. Tổ chức chọn đội tuyển bồi dưỡng giúp học sinh ôn tập, hệ thống và nâng cao kiến thức để đạt kết quả tốt; phát huy sự tìm tòi, sáng tạo, nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên và trao đổi kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi giữa GV trong nhà trường với các GV trường bạn;

- Đạt được chỉ tiêu đề ra kì thi học sinh giỏi lớp 12 cấp thành phố; kì thi Giải toán bằng máy tính Casio.

#### **\* Phụ đạo học sinh chưa đạt**

- Các tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch về công tác phụ đạo học sinh yếu kém trên cơ sở kế hoạch của nhà trường. Phân công giáo viên hướng dẫn và lập kế hoạch giảng dạy công tác phụ đạo học sinh yếu và phân công giáo viên dạy.

- Nội dung ôn tập, phụ đạo chủ yếu tập trung vào việc bù lấp những kiến thức còn thiếu hụt, những kỹ năng còn yếu của học sinh từ những học kỳ, năm học trước. Củng cố, ôn tập, hệ thống hoá, khắc sâu những kiến thức đã học để học sinh nắm vững kiến thức cơ bản theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học đã quy định.

- Chương trình phụ đạo thực hiện theo kế hoạch phụ đạo đã được tổ, nhóm chuyên môn thống nhất xây dựng cho từng khối lớp. Trong quá trình phụ đạo, có thể điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp cho phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- Giáo viên có nhiệm vụ phụ đạo học sinh yếu, kém của lớp mình phụ trách; theo dõi, kiểm tra, phát hiện sớm các học sinh yếu không theo kịp chương trình, thông báo tình hình học tập của học sinh cho GVCN, Tổ trưởng và Phó Hiệu trưởng phụ trách để tổ chức phối hợp với cha mẹ học sinh.

### **3.3. Tổ chức các câu lạc bộ, đội nhóm, CLB TDTT**

- Tạo điều kiện để học sinh tiếp cận với các hoạt động vui học, rèn luyện thêm một số kỹ năng trong giao tiếp, ứng xử, thực hành. Thông qua các Câu lạc bộ, đội, nhóm nhằm tạo cho các em học sinh một sân chơi giải trí lành mạnh,

thấy được “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”.

- Giúp các em bắt đầu định hướng nghề nghiệp, phát hiện và bồi dưỡng những cá nhân có năng khiếu giúp các em tự nhận ra giá trị của bản thân, tự trau dồi để phát triển một cách toàn diện. Học sinh nhận ra giá trị đoàn kết thông qua việc sinh hoạt tập thể, sinh hoạt nhóm, qua đó học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong quá trình làm việc và học tập.

### **3.4. Hoạt động giáo dục STEM**

- Đây là một phương pháp dạy học nhằm hình thành, rèn luyện tri thức, năng lực cho học sinh thông qua các đề tài, các bài học, các chủ đề có nội dung thực tiễn, Giáo dục STEM đề cao hoạt động thực hành trong giải quyết các vấn đề thực tiễn, rèn luyện cho học sinh năng lực tư duy, sáng tạo, kỹ năng trao đổi, làm việc nhóm...

- Cử giáo viên tham gia tập huấn chuyên sâu từng bộ môn theo định hướng giáo dục. Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên dự tập huấn giáo dục STEM ở Sở giáo dục.

- Tổ chức thực hiện chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM theo Văn bản số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD-ĐT, triển khai các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, lồng ghép định hướng nghề nghiệp. Khuyến khích học sinh nghiên cứu các ứng dụng trong đời sống thực tiễn thông qua các dự án nhỏ và vừa, phù hợp lứa tuổi. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm học thuật trong nhà trường làm nền tảng cho hoạt động học sinh nghiên cứu khoa học. Mỗi tổ chuyên môn phải tổ chức được ít nhất một hoạt động dạy học theo định hướng giáo dục STEM.

- Động viên, khuyến khích giáo viên và học sinh tham gia các Hội thi do Phòng GDTrH phát động vào đầu năm học.

### **3.5. Thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học**

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học Căn cứ Thông tư số 38/2012/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 11 năm 2012 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; nội dung nghiên cứu là đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật thuộc 22 lĩnh vực.

- Đoàn thanh niên, GVCN, GVBM phổ biến rộng rãi cho học sinh đăng ký tham gia; trao đổi, thảo luận về những vấn đề thời sự, những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn trong các buổi sinh hoạt dưới sân cờ, ngoại khóa để định hướng, hình thành ý tưởng về dự án nghiên cứu của học sinh.

- Tổ chuyên môn khai thác hiệu quả tiềm lực của đội ngũ giáo viên hiện có, đặc biệt là giáo viên có năng lực và kinh nghiệm NCKH, giáo viên đã hướng dẫn

học sinh NCKH, giáo viên đã thực hiện đề tài NCKH sư phạm ứng dụng; đưa nội dung hướng dẫn học sinh NCKH vào sinh hoạt của tổ.

- Giáo viên được phân công hướng dẫn học sinh chọn đề tài, cung cấp tài liệu và lập kế hoạch hướng dẫn học sinh thực hiện. Giáo viên có vai trò cố vấn, hướng dẫn học sinh NCKH không làm thay học sinh.

- Tổ chức hội nghị báo cáo tiến độ thực hiện đề tài nghiên cứu để lắng nghe và tạo điều kiện giúp đỡ học sinh nghiên cứu.

- Tổ chức cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp trường để chọn ra các dự án tham gia cuộc thi cấp thành phố.

### **3.6. Nâng cao chất lượng đào tạo ôn thi tốt nghiệp THPT Quốc gia**

- Tiến hành khảo sát nguyện vọng chọn môn thi tổ hợp của học sinh và phân lớp. Chú trọng đến công tác hướng dẫn, tư vấn việc chọn tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT Quốc gia sao cho phù hợp với năng lực, sở trường của mỗi học sinh.

- Giáo viên chủ nhiệm làm tốt công tác tư vấn cho học sinh chọn tổ hợp môn thi, khối thi phù hợp với năng lực, sở trường của cá nhân học sinh. Với những trường hợp chọn quá nhiều môn thi, khối thi GVCN tư vấn để học sinh tập trung vào một tổ hợp môn nhất định.

- Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, kế hoạch ôn thi của nhà trường, của tổ bộ môn, cấu trúc đề thi của Bộ GDĐT giáo viên bộ môn xây dựng riêng cho mình một kế hoạch giảng dạy và ôn tập cụ thể, chi tiết đến từng chủ đề, chuyên đề và sát đối tượng. Mỗi chuyên đề phải có phần lý thuyết và bài tập. Phần lý thuyết nên hệ thống lại những kiến thức cơ bản, trọng tâm. Phần bài tập có phần bài tập mẫu và bài tập tự làm có gợi ý đáp án. Bài tập phân dạng và theo mức độ từ dễ đến khó phù hợp với từng đối tượng học sinh, tăng dần các bài tập mở, gần gũi với thực tế đời sống.

- Giáo viên bộ môn chú trọng đến việc dạy kiến thức cơ bản cho học sinh, tập trung vào những yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục cấp THPT, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 12, kiến thức lớp 11 và 10, quan tâm việc giúp học sinh nâng cao các mức độ thông hiểu và vận dụng. Trong quá trình dạy, giáo viên cũng phải hướng tới cách dạy học hiểu và vận dụng kiến thức để giúp đỡ các em nắm được bản chất vấn đề; tổ chức ôn tập nên phân nhóm học sinh theo trình độ, giao nhiệm vụ phù hợp cho từng nhóm. Sau mỗi chuyên đề cần có các bài kiểm tra ngắn để đánh giá mức độ đạt được của học sinh; từ đó có hướng điều chỉnh dạy học hợp lý.

- Trong quá trình tổ chức ôn tập phải chú trọng đến công tác quản lý nề nếp dạy và học như chính khóa. Phân công cụ thể bộ phận giám thị quản lý từng lớp, phối hợp chặt chẽ với GVCN giáo dục ý thức học sinh chấp hành nghiêm túc kỷ

ôn tập. GVCN kết hợp với giáo viên bộ môn, Cha mẹ học sinh để quản lý việc học tập của học sinh, đặc biệt là quản lý việc tự học của học sinh.

- Cốt lõi của việc giảng dạy và ôn thi tốt nghiệp của giáo viên là: động viên, khuyến khích; sát đối tượng, tổng hợp kiến thức cơ bản và rèn kỹ năng với các dạng đề, đưa ra các tình huống để học sinh tự giải quyết; kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh để động viên khuyến khích học sinh học tập; nắm bắt kịp thời tâm tư tình cảm của học sinh để có điều chỉnh hợp lý trong việc giáo dục, uốn nắn, thay đổi hạn chế của học sinh.

- Tổ chức chuyên đề ôn tập kiến thức lớp 12 môn Toán, Văn và 2 môn thi mà học sinh lựa chọn; thời gian thực hiện ôn tập chuyên đề sau kiểm tra học kỳ 2.

#### **4. Thời lượng dạy các tiết bồi dưỡng văn hóa:**

- Số tiết dạy buổi sáng: không quá 04 tiết;
- Số tiết dạy buổi chiều: không quá 04 tiết

Học sinh học từ ngày Thứ 2 đến ngày thứ 6 trong tuần, riêng ngày Thứ 7 dành để kiểm tra tập trung, tổ chức ôn luyện cho học sinh theo từng đối tượng, tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, sinh hoạt các câu lạc bộ...

#### **5. Nội dung giảng dạy**

Các Tổ chuyên môn linh hoạt trong việc thực hiện khung phân phối chương trình để đưa các nội dung dạy học theo chủ đề tích hợp, chủ đề giáo dục STEM, các chủ đề dạy học trải nghiệm, tiết học ngoài nhà trường. Các tổ thống nhất điều chỉnh trình tự các bài dạy cho phù hợp; tùy vào năng lực, mức tiếp thu của từng đối tượng học sinh. Tổ thống nhất việc gia giảm thời lượng cho từng nội dung bài cụ thể, ... tất cả đều được thể hiện trong biên bản họp tổ.

Giáo viên giảng dạy xây dựng nội dung luyện tập giúp học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ở các môn học. Nội dung ôn luyện cụ thể ở từng lớp cần được trao đổi trong tổ bộ môn, nhóm chuyên môn tập trung vào những kiến thức, kỹ năng đã học theo chương trình của từng tuần học theo kế hoạch dạy học do Tổ chuyên môn xây dựng trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thời lượng dạy học.

Các tổ chuyên môn phân công giáo viên tham khảo tài liệu, chọn lọc nội dung dạy học cụ thể, phù hợp với điều kiện dạy học, không vượt quá yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng...

Các tổ nhóm chuyên môn thống nhất nội dung dạy học, Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt nội dung, các thành viên trong từng tổ nhóm phải thực hiện thống nhất trong năm học và phải đảm bảo các yêu cầu:

- + Ôn tập, hệ thống kiến thức cơ bản.
- + Bồi dưỡng, mở rộng, nâng cao kiến thức.
- + Rèn luyện kỹ năng.
- + Khắc sâu thêm kiến thức trong chương trình học.
- + Hướng dẫn học sinh phương pháp học...

## 6. Giáo án

Giáo viên dạy học xây dựng giáo án theo hướng dẫn phù hợp đặc điểm của môn học. Soạn đủ số tiết dạy theo quy định dạy học 2 buổi/ngày; giáo án soạn đảm bảo đúng nội dung theo chương trình do Tổ chuyên môn xây dựng và đã được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

## 7. Hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động dạy học 2 buổi/ngày

Mỗi lớp có Sổ ghi đầu bài để theo dõi nền nếp dạy và học tại lớp theo kế hoạch 2 buổi/ngày, hiệu trưởng nhà trường thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh. Các Tổ chuyên môn, các bộ phận có trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện hoạt động dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo đúng kế hoạch.

Giáo viên, các bộ phận phụ trách các hoạt động giáo dục, năng khiếu ... thường xuyên theo dõi, ghi nhận kết quả học tập, rèn luyện của học sinh để đánh giá và thông báo tới cha mẹ học sinh trong các kỳ họp cha mẹ học sinh trong năm học.

## 8. Mức thu, chi

Theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Nghị quyết quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 – 2025; Ngoài ra nhà trường thực hiện việc miễn, giảm cho con em gia đình thuộc đối tượng chính sách, con mồ côi cả cha, mẹ, gia đình khó khăn theo hướng dẫn thực hiện các qui định về miễn giảm học phí.

## 9. Danh sách giáo viên tham gia giảng dạy buổi 2

| STT | Họ và tên       | Môn dạy  | Trình độ |
|-----|-----------------|----------|----------|
| 1   | Nguyễn Văn Hiệp | Toán học | Thạc sĩ  |
| 2   | Lê Thị Mỹ Linh  | Toán học | Đại học  |
| 3   | Lê Minh Oanh    | Toán học | Đại học  |

|    |                       |          |         |
|----|-----------------------|----------|---------|
| 4  | Nguyễn Văn Sô         | Toán học | Đại học |
| 5  | Hồ Ngọc Thùy An       | Toán học | Đại học |
| 6  | Hà Nguyễn Cẩm Tư      | Toán học | Thạc sĩ |
| 7  | Phạm Hoàng Duy        | Toán học | Đại học |
| 8  | Nguyễn Văn Thống      | Ngữ Văn  | Đại học |
| 9  | Nguyễn Thị Mộng Lành  | Ngữ Văn  | Đại học |
| 10 | Nguyễn Thy Nhân       | Ngữ Văn  | Đại học |
| 11 | Phan Thị Mỹ Hòa       | Ngữ Văn  | Đại học |
| 12 | Nguyễn Thị Linh       | Ngữ Văn  | Thạc sĩ |
| 13 | Mai Thị Trang         | Ngữ Văn  | Thạc sĩ |
| 14 | Cao Ngọc Phương Trinh | Ngữ Văn  | Thạc sĩ |
| 15 | Ngô Thanh Hải         | Anh văn  | Đại học |
| 16 | Nguyễn Ngọc Châu      | Anh văn  | Đại học |
| 17 | Lê Phước Thịnh        | Anh văn  | Đại học |
| 18 | Huỳnh Thị Thảo Trang  | Anh văn  | Đại học |
| 19 | Nguyễn Thị Bích Tuyền | Anh văn  | Đại học |
| 20 | Nguyễn Phong Minh     | Vật Lý   | Đại học |
| 21 | Hà Thị Thúy Hồng      | Vật Lý   | Đại học |
| 22 | Hà Văn Nam            | Vật Lý   | Đại học |
| 23 | Nguyễn Trí Nhật Đam   | Hóa học  | Đại học |
| 24 | Phan Thị Thúy Duy     | Hóa học  | Thạc sĩ |
| 25 | Nguyễn Minh Nhựt      | Hóa học  | Thạc sĩ |
| 26 | Nguyễn Trần Hoài Ngọc | Sinh học | Thạc sĩ |
| 27 | Nguyễn Thị Hồng Sen   | Sinh học | Đại học |

|    |                       |          |         |
|----|-----------------------|----------|---------|
| 28 | Đậu Thị Minh          | Sinh học | Đại học |
| 29 | Lê Vĩnh Xuyên         | Địa lý   | Thạc sĩ |
| 30 | Nguyễn Thị Thủy Triều | Địa lý   | Đại học |
| 31 | Lê Huỳnh Như          | Địa lý   | Đại học |
| 32 | Trương Thị Hồng Loan  | Lịch sử  | Đại học |
| 33 | Hồ Hương Giang        | Lịch sử  | Đại học |
| 34 | Võ Thị Thanh Song     | GDCD     | Đại học |
| 35 | Lê Đình Ngọc Minh     | GDCD     | Đại học |

#### IV. Giải pháp

Nhà trường tổ chức cho cán bộ công chức, viên chức nghiên cứu các văn bản hướng dẫn và nội dung của kế hoạch này đồng thời tiến hành những nội dung cụ thể sau:

- Cha mẹ học sinh tự nguyện đăng ký học 2 buổi/ngày (có ghi rõ ý kiến thoả thuận của cha mẹ học sinh và ký tên).

- Hiệu trưởng nghiên cứu chương trình, phân công người phụ trách để có phương án, kế hoạch cũng như lập thời khóa biểu chi tiết cho việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

- Giáo viên, Tổ chuyên môn, các bộ phận xây dựng nội dung, kế hoạch dạy học, giáo dục, bồi dưỡng năng khiếu ... theo hướng dẫn của Bộ và của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Trong tổ chức thực hiện phải tuyệt đối thực hiện nghiêm túc nội dung, kế hoạch và thời gian mà nhà trường sắp xếp.

- Hiệu trưởng có kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường về nội dung dạy học 2 buổi/ngày, tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm trong việc thực hiện dạy 2 buổi/ngày, đặc biệt là nền nếp dạy học, giáo dục ở buổi thứ 2.

Nhà trường quan tâm thực hiện các giải pháp sau:

##### 1. Giải pháp thứ nhất: Giải pháp nâng cao nhận thức cho đội ngũ

Nhà trường phổ biến văn bản của ngành yêu cầu nhiệm vụ của việc dạy 2 buổi/ngày là củng cố và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục.

Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch sát với thực tiễn và báo cáo các cấp quản lý, nắm rõ mục đích nội dung của dạy 2 buổi/ngày: Như khả năng về đội ngũ giáo viên, phòng học, các điều kiện để phục vụ dạy và học.

Người phụ trách: Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng chuyên môn

## **2. Giải pháp thứ hai: Tăng cường các nguồn lực**

Bố trí đủ phòng học, CSVC để tổ chức dạy 2 buổi/ ngày

Bố trí sử dụng đội ngũ: Đây là vấn đề trọng yếu nhất, đội ngũ giáo viên cần được phân công phù hợp với năng lực và trình độ được đào tạo, kinh nghiệm tổ chức dạy học của giáo viên. Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, thảo luận và bàn biện pháp nâng cao hiệu quả giờ dạy cũng như các tiết ôn tập và các hoạt động giáo dục cho học sinh.

Huy động nguồn đóng góp từ các mạnh thường quân (theo Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/09/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường.

Người phụ trách: Hiệu trưởng

## **3. Giải pháp thứ ba: Giải pháp về tổ chức dạy và học**

Giáo viên xây dựng kế hoạch bám sát với đối tượng học sinh của khối lớp mình phụ trách, nội dung kiến thức của từng môn học đảm bảo vừa sức với học sinh. Giáo viên phải tôn trọng nội dung dạy học; Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đúng theo kế hoạch. Đảm bảo giờ giấc dạy học, giáo dục (dạy đủ thời lượng trên lớp theo đúng quy định, tổ chức các hoạt động theo đúng kế hoạch).

Người phụ trách và quản lý: Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn cùng với tổ trưởng tổ Toán, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, GDCD, Anh văn, Ngữ văn.

## **4. Giải pháp thứ tư: Công tác phối hợp giữa GVCN, GVBM và cha mẹ học sinh**

GVCN phải tìm hiểu kỹ hoàn cảnh từng học sinh trong lớp ngay từ đầu năm học. Đặc biệt là những học sinh rơi vào hoàn cảnh: bố mẹ li hôn, bố mẹ đi làm ăn xa, bố mẹ mắc tệ nạn XH, con mồ côi, gđ hộ nghèo, cận nghèo, các đối tượng HS con nhà giàu, học yếu, mê game say sưa điện tử, ... GVCN cần phải gần gũi, quan tâm sát sao hơn. GVCN phải xây dựng được đội ngũ cán bộ lớp có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, nhiệt tình và gương mẫu trong mọi hoạt động của nhà trường.

GVCN phối hợp chặt chẽ với GV bộ môn để nắm bắt kịp thời tình hình HS của lớp. GVCN phải thường xuyên theo dõi kết quả học tập và đạo đức của các em qua sổ điểm, sổ đầu bài, trực tiếp qua giáo viên dạy từng môn để nắm bắt kịp thời năng lực của học sinh sinh. GVBM cần cung cấp danh sách HS học yếu, ý thức yếu trong giờ dạy của mình cho GVCN biết: em nào thường xuyên không

học bài, không làm bài, hoặc có hành vi, thái độ không tốt ... cần phải báo ngay với GVCN để GVCN có biện pháp và báo về gia đình, kết hợp cùng gia đình giáo dục các em.

### **5. Giải pháp thứ năm: Kiểm tra đánh giá công khai chất lượng**

Để việc dạy 2 buổi/ ngày thực sự có hiệu quả, lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt vai trò quản lý, chỉ đạo, kiểm tra thường xuyên; đối với giáo viên phải đánh giá được hiệu quả sau từng thời điểm nhất định, công khai rõ cho phụ huynh kết quả chất lượng của học sinh. Phân loại học sinh sau mỗi đợt khảo sát.

Người phụ trách: Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn.

### **V. Thành lập Ban Quản lý dạy học 2 buổi/ngày gồm:**

| <b>Stt</b> | <b>Họ và tên</b>           | <b>Chức vụ</b>           | <b>Nhiệm vụ</b> |
|------------|----------------------------|--------------------------|-----------------|
| 2          | Nguyễn Văn Hiệp            | Phó Hiệu trưởng          | Trưởng ban      |
| 3          | Lê Hồng Trung              | Phó Hiệu trưởng          | Phó trưởng ban  |
| 4          | Trương Xuân Hưng           | Kế toán                  | Thành viên      |
| 5          | Trần Phụng Nga             | Tổ trưởng tổ Hành chính  | Thành viên      |
| 6          | Trần Trang Thủy Tiên       | Nhân viên                | Thành viên      |
| 7          | Nguyễn Thị Vui             | Nhân viên Y tế + Thủ quỹ | Thành viên      |
| 8          | Phạm Thu Thanh             | Nhân viên                | Thành viên      |
| 9          | Phạm Văn Cường             | Nhân viên                | Thành viên      |
| 10         | Trần Trọng Nghĩa           | Nhân viên                | Thành viên      |
| 11         | Hà Nguyễn Cẩm Tư           | Bí thư CDGV              | Thành viên      |
| 12         | Trần Thị Quế               | TLTN                     | Thành viên      |
| 13         | Giáo viên chủ nhiệm 25 lớp | Chủ nhiệm lớp            | Thành viên      |
| 14         | Tổ/Nhóm trưởng chuyên môn  | Công tác chuyên môn      | Thành viên      |
| 15         | Lê Văn Xinh                | Bảo vệ                   | Thành viên      |
| 16         | Trần Hoàng Triệu           | Bảo vệ                   | Thành viên      |

|    |                  |         |            |
|----|------------------|---------|------------|
| 17 | Nguyễn Thị Lại   | Phục vụ | Thành viên |
| 18 | Nguyễn Văn Trung | Phục vụ | Thành viên |

Ban Quản lý dạy học 2 buổi/ngày có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ và theo dõi đánh giá việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

## **VI. Tổ chức kiểm tra**

Kiểm tra việc tổ chức các tiết học ở buổi 2 nhằm đảm bảo giờ học được chuẩn bị chu đáo, được cung cấp đầy đủ các điều kiện dạy học như dạy học chính khoá. Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra thường xuyên hàng tuần, hàng tháng, học kỳ...

Những thành tích cũng như vi phạm trong thời gian học buổi 2 được xem xét để đánh giá, theo qui định; tăng cường kiểm tra đột xuất trong các tiết dạy để rút kinh nghiệm trong công tác giảng dạy cũng như trong công tác quản lý. Hiệu trưởng có sổ theo dõi nền nếp học tập, giáo dục buổi 2 đầy đủ, đúng qui định. Lãnh đạo nhà trường, các tổ, bộ phận thực hiện kiểm tra theo nội dung, kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức dạy học 2 buổi/ngày của trường THPT Trung Lập, toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong nhà trường cam kết chấp hành đúng các quy định trong quá trình tổ chức hoạt động dạy và học 2 buổi/ngày nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục đồng thời đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu học tập của học sinh và nguyện vọng của cha mẹ học sinh./.

### **Nơi nhận:**

- Phòng GDTrH (*để báo cáo*);
- BGH (*để chỉ đạo thực hiện*)
- Tổ CM (*để thực hiện*)
- Lưu VT.

**K/T HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Hiệp**